

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỖ THỊ THẨM

**ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỘNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU VUI CHƠI
GIẢI TRÍ CỦA TRẺ EM LỨA TUỔI 10 ĐẾN 15 TUỔI TẠI XÃ YÊN TÂN
HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành: công tác xã hội

Mã số: 60.90.01.01

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Hải Hữu

Hà Nội-2016

Contents

LỜI CAM ĐOAN **Error! Bookmark not defined.**

LỜI CẢM ƠN **Error! Bookmark not defined.**

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu	5
2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu	8
3. Ý nghĩa của luận văn	14
4. Mục tiêu nghiên cứu	17
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	17
6. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu.	17
6.1 Đối tượng nghiên cứu	17
6.2 Khách thể nghiên cứu	17
6.3 Phạm vi nghiên cứu.	18
7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	18
7.1 Câu hỏi nghiên cứu	18
7.2 Giả thuyết nghiên cứu	18
8. Phương pháp nghiên cứu.	18
8.2 Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp(sẵn có). Báo cáo của địa phương về tình hình vui chơi giải trí của trẻ em, các nghiên cứu về tình hình vui chơi giải trí trên địa bàn	18
8.2 Phương pháp thu thập thông tin thực địa.....	15
8.2.1 Phương pháp điều tra bảng hỏi	18
8.2.2 Phương pháp phỏng vấn sâu	19
8.2.3 Phương pháp quan sát	19
9. Kết cấu của luận văn	19
Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của nghiên cứu	19

Khái niệm và thuật ngữ có liên quan đề tài nghiên cứu	19
1.1.1 Khái niệm về nhu cầu	19
1.1.2 Khái niệm về dịch vụ	22
1.1.3 Khái niệm vui chơi giải trí trẻ em	23
1.1.4 Khái niệm trẻ em, trẻ em nghèo và trẻ em nghèo đa chiều	23
1.1.5 Khái niệm về mô hình.....	22
1.2 Một số vấn đề lý luận về vui chơi giải trí cho trẻ em.	27
1.2.1 Vui chơi giải trí là nhu cầu tất yếu của trẻ em	27
1.2.2 Quyền được vui chơi giải trí của trẻ em.	28
1.2.3 Gia đình, nhà nước xã hội có trách nhiệm đảm bảo nhu cầu và quyền vui chơi giải trí cho trẻ em.	29
1.2.4 Hệ lụy của việc đáp ứng thiếu hụt các nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ.	31
1.2.5 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vui chơi giải trí.	32
1.3 Luật pháp và chính sách quốc gia về bảo vệ và chăm sóc trẻ em	33
1.3.1 Chủ trương của Đảng về quyền vui chơi giải trí của trẻ em	33
1.3.2 Quyền vui chơi giải trí của trẻ em trong công ước về quyền trẻ em (CRC) và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em- số 25/2004/QH 11	34
1.4 Lý thuyết ứng dụng trong nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
1.4.1 Thuyết nhu cầu của Maslow	Error! Bookmark not defined.
1.4.2 Lý thuyết hệ thống	Error! Bookmark not defined.
1.5 Đặc điểm tâm sinh lý trẻ em độ tuổi 10-15 tuổi và mối tương quan với vui chơi giải trí	Error! Bookmark not defined.
2.1 Tổng quan về địa bàn nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
Chương 2. Thực trạng nghèo về vui chơi giải trí tại xã yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.	Error! Bookmark not defined.
2.1. Khó khăn ,thuận lợi và các yếu tố tác động đến vui chơi giải trí của trẻ em xã Yên Tân.....	41
2.2 Đánh giá thực trạng nghèo và mức độ nghèo về vui chơi giải trí của trẻ em độ tuổi 10-15 tại xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.	Error! Bookmark not defined.

- 2.2.1 Thực trạng về đồ chơi **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.2 Thực trạng về đọc sách. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.3 Thực trạng được tham gia đa dạng các loại hình vui chơi giải trí của trẻ. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.4 Thực trạng về địa điểm và sân chơi **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.5 Thực Trạng về Chi phí đầu tư cho giải trí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3 Đánh giá mức độ nghèo về vui chơi giải trí của trẻ độ tuổi 10-15 tại xã Yên Tân. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.4 Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của các dịch vụ giải trí công lập. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.5 Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của các dịch vụ giải trí tư nhân. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.6 Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí góc độ gia đình. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.7 Kinh phí công tác đầu tư khu vui chơi giải trí cho trẻ và phát triển nông thôn mới tại xã Yên Tân. **Error! Bookmark not defined.**
- Chương 3. Đề xuất mô hình và Khuyến nghị **Error! Bookmark not defined.**

3.1 Điều kiện để mô hình ra đời.....62

- 3.2 Mục đích của mô hình **Error! Bookmark not defined.**
- 3.3 Nhóm nòng cốt tham gia xây dựng mô hình **Error! Bookmark not defined.**
- 3.4 Nguồn lực để xây dựng mô hình **Error! Bookmark not defined.**
- 3.5 Bản thiết kế mô hình **Error! Bookmark not defined.**
 - 3.5.1 Cơ cấu cụ thể của các phòng ban **Error! Bookmark not defined.**
 - 3.5.2 Cách vận hành của mô hình **Error! Bookmark not defined.**
 - 3.5.3 Lịch hoạt động cụ thể của mô hình tại xã Yên Tân. **Error! Bookmark not defined.**
- 3.6 Vai trò của nhân viên công tác xã hội **Error! Bookmark not defined.**
- 3.7 Đánh giá từ mô hình **Error! Bookmark not defined.**
- 3.8 Thuận lợi và khó khăn khi áp dụng mô hình **Error! Bookmark not defined.**
- 3.9 Một số khuyến nghị **Error! Bookmark not defined.**

3.9.1 Thay đổi nhận thức về quyền vui chơi của trẻ em **Error! Bookmark not defined.**

3.9.2 Nâng cao chất lượng sống cho người dân **Error! Bookmark not defined.**

3.9.3 Đầu tư khu vui chơi và sân chơi cho trẻ **Error! Bookmark not defined.**

3.9.4 Tăng các hình thức vui chơi giải trí lên cho trẻ **Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN **Error! Bookmark not defined.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO³⁵

PHỤ LỤC **Error! Bookmark not defined.**

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Bước sang thế kỉ XXI Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Con người được quan tâm và đầu tư nhiều hơn, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, các chính sách và pháp luật được ban hành nhằm bảo vệ và tăng quyền lợi cho nhân dân, tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi cá nhân. Trẻ em mà nhất là trẻ em nghèo là thành phần càng được quan tâm và đầu tư nhiều hơn, bình đẳng trong cơ hội phát triển về tất cả các mặt y tế, giáo dục, vui chơi giải trí, nhà ở, bảo trợ xã hội, vệ sinh và nước sạch. Đầu tư cho trẻ em là mục tiêu ưu tiên của Đảng và Nhà nước cho việc phát triển con người. Việt Nam là một trong những nước đầu tiên phê chuẩn công ước quốc tế về quyền trẻ em. Năm 2004 Quốc hội đã thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đó là cơ sở của quyền lợi, cơ hội phát triển của trẻ em. Không chỉ trẻ em nghèo mà còn trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ...đều được cộng đồng chung tay giảm thiểu nỗi bất hạnh, những khó khăn trong cuộc sống. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hình thành Quỹ bảo trợ trẻ em, hoạt động của quỹ đã phần nào mang lại những những

cơ hội phát triển cho nhiều trẻ em nhất là trẻ em nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng những cơ hội được đến trường được cải thiện và chăm sóc sức khỏe, được vui chơi, được tham gia các hoạt động xã hội.

Tuy nhiên, mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp, tình trạng chênh lệch mức sống giữa các nhóm dân cư, giữa các vùng miền gia tăng, cùng với sự thay đổi của vai trò cấu trúc gia đình, quan niệm về chuẩn mực xã hội thì còn rất nhiều trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo nông thôn chịu nhiều thiệt thòi, thiếu thốn không chỉ là vấn đề vật chất như: ăn, mặc, nhà ở, giáo dục, y tế mà còn về mặt tinh thần. Một nhu cầu tưởng chừng như là không quan trọng, không cần thiết đối với bất cứ đứa trẻ nào đó là nhu cầu vui chơi giải trí- một nhu cầu rất cơ bản, tạo cơ hội cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Thiếu thốn về cái ăn, cái mặc, nhà ở, giáo dục là những nhu cầu rất dễ nhận thấy, rất được Đảng và Nhà nước cũng như chính quyền địa phương quan tâm nhưng đối với vui chơi giải trí là một nhu cầu, là quyền của trẻ em lại ít được quan tâm hơn đặc biệt là các bậc cha mẹ có thể nhận ra quyền lợi này của trẻ mà nhất là đối với trẻ em nông thôn.

Trẻ em nông thôn bắc bộ nói chung và trẻ em xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nói riêng không chỉ thiệt thòi về cơ hội phát triển toàn diện mà còn rất thiệt thòi về nhu cầu vui chơi- một nhu cầu rất cơ bản của trẻ em. Nhu cầu này thường bị bỏ qua ở các vùng nông thôn, những gia đình có khó khăn về kinh tế và những hộ nghèo. Thật dễ dàng để bắt gặp những hình ảnh những đứa trẻ nông thôn chơi với nhau ngoài đầu làng ngõ xóm, kênh rạch ao hồ, thậm chí có những đứa trẻ vừa bé em vừa chơi nhảy dây. Đó hoàn toàn là sự thật, chúng có thể chơi bất cứ nơi nào mà chúng có thể trên bãi đất trống, trên đồng rơm, bãi cát nào đó, và chơi bất cứ thứ gì chúng có thể chơi, điều đó cho thấy rằng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ là rất lớn. Có một môi trường phát triển lành mạnh, an toàn, một nơi vui chơi thú vị, lý tưởng, cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa mới lạ và được làm theo sự đam mê của mình còn là ước mơ của nhiều trẻ em nông thôn hiện nay đặc biệt là ở nhóm tuổi 10-15.

Nhóm tuổi 10- 15 là đối tượng trẻ em có nhu cầu về vui chơi giải trí cao nhất và đa dạng nhất bởi trẻ ở độ tuổi này chúng bắt đầu phát triển tư duy, nhận thức, tư duy trực quan hành động không còn nữa, các trò chơi đóng vai không còn phù hợp mà

chuyển sang tư duy trí tuệ, chúng háo hức được khám phá và tiếp xúc với những điều mới lạ và ứng dụng khoa học công nghệ thông minh trong cuộc sống, muốn được thể hiện bản thân và đang trên đà phát triển nhân cách. Các trò chơi giải trí đa dạng và phong phú mới đáp ứng được nhu cầu này của trẻ nhưng tại địa bàn xã Yên Tân lại thiếu trầm trọng sân chơi trí tuệ và các loại hình giải trí mang tính giáo dục ở nhóm tuổi này, chính vì thiếu sân chơi và các loại hình giải trí mà xảy ra tình trạng nghiện game, đánh nhau, các trò chơi bạo lực không lành mạnh, đời sống tinh thần nghèo nàn, hơn nữa việc nhận thức của các bậc cha mẹ đối với vui chơi giải trí ở nhóm tuổi 10-15 chưa đúng đắn vì vậy hạn chế việc tiếp cận các dịch vụ giải trí của các em.

Vì vậy tác giả thực hiện nghiên cứu “ Đề xuất mô hình hoạt động đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ em lứa tuổi 10 đến 15 tuổi tại xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định ”.

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

- Giải trí đang ngày càng trở nên quan trọng trong đời sống hằng ngày của mỗi con người khi mà các nhu cầu về vật chất được đáp ứng thì nhu cầu vui chơi giải trí lại được tăng lên. Con người cũng dần nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của nó chính vì vậy hoạt động của con người ngày nay gắn liền với vui chơi giải trí. Thế nhưng đang có rất nhiều các thành phần trong xã hội ngày nay nhu cầu vui chơi giải trí chưa được đáp ứng và thiếu một cách trầm trọng, phản ánh rõ sự phát triển xã hội không đồng đều ở nước ta.

Nghiên cứu về nhu cầu vui chơi giải trí đã trở thành đề tài hay cho các tác giả và các ngành khoa học khác nhau nghiên cứu, nhưng vui chơi giải trí đối với trẻ em nghèo nông thôn thì chưa có nghiên cứu nào đề cập tới. Đây cũng là vấn đề khó và mới mà tác giả đã và đang kế thừa vận dụng các công trình gần sát để phục vụ cho luận văn của mình. Dưới đây là các công trình của các tác giả khác nhau mà tác giả đã tham khảo.

- Cuốn “Nhu cầu giải trí của thanh niên Hà Nội- Đinh Thị Vân Chi, nxb Chính trị quốc gia-Hà Nội- 2003 đã đề cập đến vai trò của giải trí đối với thanh niên, sự đáp ứng xã hội và đưa ra xu hướng biến đổi của nhu cầu thanh niên đồng thời đưa ra giải pháp cho vấn đề phát triển vui chơi giải trí của con người. Giải trí dưới hình thức tham gia các trò chơi truyền thống từ cá nhân, sang các hình thức giải trí tập thể. Do đó do những hoàn cảnh lịch sử hình thức giải trí ít được thực hiện. Khi đất nước đổi mới do những thay đổi điều kiện kinh tế, đổi mới, cải cách xu hướng giải trí cũng bị biến đổi theo, nhất là đối với thanh niên từ hình thức giải trí tập thể sang hình thức giải trí cá nhân, từ hình thức giải trí bên ngoài sang giải trí trong nhà. Ngoài ra công trình còn đánh giá được sự thay đổi trong việc tham gia hình thức giải trí của thanh niên.Đưa ra những nhận xét đối với thay đổi này, hướng tới một cái nhìn toàn diện về sự biến đổi diện mạo của cả xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Nghiên cứu phát triển các hoạt động văn hóa vui chơi giải trí ở Hà Nội- Thực trạng và giải pháp. Do PGS.TS Phạm Duy Đức là chủ nhiệm, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội là cơ quan chủ trì. Thực hiện năm (2003).

Công trình nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động vui chơi giải trí của cư dân Hà Nội, sự cung ứng các hoạt động vui chơi giải trí của các dịch vụ, xu hướng vui chơi giải trí của người dân, sự đa dạng của hệ thống thiết chế văn hóa, sự sôi động của các hoạt động văn hóa nghệ thuật đã đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng phong phú và đa dạng của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời cũng đưa ra những mặt hạn chế, mặt trái của của xu hướng vui chơi giải trí, những biến đổi của các thành tố, sự đa dạng của các loại hình vui chơi giải trí đã tác động đến nhu cầu vui chơi giải trí của người dân.

Đồng thời với thực trạng đã phân tích tác giả đưa ra những giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển văn hóa giải trí của thành phố Hà Nội trong thời kỳ đổi mới. Xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần của người dân góp phần phát triển văn hóa xã hội. Đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, tạo một môi trường văn hóa lành mạnh, dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng đáp ứng nhu cầu giải trí ngày càng phong phú người dân.

Công trình “ Tìm hiểu thực trạng nhu cầu giải trí của cư dân Thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh. Tác giả Nguyễn Bá Kha đề tài nghiên cứu khoa học – Đại Học Hải Phòng (2009)

Đề tài đánh giá nhận thức của người dân Thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh về vai trò của giải trí, đồng thời phân tích mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động giải trí, mức độ sử dụng các dịch vụ giải trí của người dân trong thời gian rảnh rỗi, thực trạng nhu cầu giải trí trong thời gian rảnh rỗi và cũng đưa ra một số yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn các loại hình giải trí trong thời gian rảnh rỗi. Đây là đề tài nghiên cứu rất sâu sắc nhu cầu vui chơi của con người một nghiên cứu trường hợp tại một địa phương cả về thực trạng, nhu cầu, giải pháp cho vấn đề vui chơi giải trí.

Đây là một nghiên cứu có cách tiếp cận có nét tương đồng với luận văn, vì vậy trên tinh thần kế thừa phát huy cách tiếp cận này để làm rõ được thực trạng vui chơi giải trí cũng như các yếu tố tác động đến nhu cầu vui chơi của trẻ trên đại bàn xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đề tài “ Thực trạng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của công nhân các khu công nghiệp hiện nay” chủ nhiệm đề tài ThS Lê Thị Lan Hương, Ban tuyên giáo tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam (2006)

Đề tài đã hệ thống hóa và bổ sung, phát triển lý luận về văn hóa, nhu cầu, đời sống văn hóa, đời sống văn hóa tinh thần của công nhân khu công nghiệp, đồng thời tác giả cũng khái quát thực trạng, phát hiện những vấn đề đặt ra đối với đời sống văn hóa tinh thần của công nhân các khu công nghiệp hiện nay. Đời sống văn hóa tinh thần công nhân lao động trên một số khía cạnh tác động như: nhận thức, ý thức tham gia các hoạt động văn hóa khu công nghiệp, khu chế xuất và khu nhà trọ, các thiết chế phục vụ văn hóa, công nghệ của công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất. Đề xuất giải pháp và những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong công tác xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của công nhân khu công nghiệp.

Đề tài cấp bộ: “ Nghiên cứu thực trạng sử dụng trò chơi dân gian trong giáo dục học sinh các trường tiểu học khu vực miền núi”. Do TS. Hà Thị Kim Linh là chủ nhiệm, cơ quan chủ trì Đại học Thái Nguyên, thực hiện năm 2008.

Đề tài Nghiên cứu hoạt động chơi, xác định bản chất vui chơi là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về mặt phương pháp luận trong nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động vui chơi, đặc biệt là trò chơi con trẻ. Bằng những lập luận khoa học họ đã chứng minh sự xuất hiện của trò chơi như hình thức cụ thể của hoạt động chơi, gắn liền với lao động ở giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người. Các khoa học giai đoạn này đã làm sáng tỏ nguồn gốc xã hội của trò chơi, hoạt động chơi của con người gắn liền với lao động ở những giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người. nội dung trò chơi phản ánh cuộc sống xã hội của con người trên cơ sở đó làm rõ bản chất xã hội của trò chơi nói chung và hoạt động chơi nói riêng.

Công trình nghiên cứu cấp bộ: “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em” tác giả Lê Anh Tuấn thực hiện, Cục văn hóa cơ sở. Nhấn mạnh tầm quan trọng của vui chơi giải trí đối với trẻ em, khẳng định để trẻ em có một môi trường sống tốt cần có sự chung tay góp sức của toàn xã hội, khẳng định vai trò của đảng và nhà nước trong việc nỗ lực xây dựng chính sách, cơ chế nhằm tạo điều kiện phát triển cơ sở văn hóa vui chơi cho trẻ em như. Từ việc lồng ghép mục tiêu đầu tư, xây dựng, quản lý và sử dụng các cơ sở văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em vào chương trình phát triển kinh tế- xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, giáo dục, xây dựng nông thôn mới đến việc thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng các cơ sở, văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em góp phần đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em. Bên cạnh đó tác giả cũng phân tích được những khó khăn vướng mắc và đưa ra cụ thể nhưng giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ cũng như đời sống tinh thần cho các em.

Đề tài cấp bộ “ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí khu vực đô thị hiện nay thực trạng và giải pháp.Học viện chính trị quốc gia Hà Nội, Chủ nhiệm đề tài PGS.TS Phạm Duy Đức được viết năm 2002.

Trong công trình nghiên cứu này cũng phân tích sâu sắc toàn diện về vai trò chức năng của giải trí, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong xã hội hiện nay. Phân tích đánh giá về thực trạng giải trí ở 2 đô thị lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Những xu thế hướng mới của nhu cầu vui chơi giải trí, sự xuất hiện các loại hình vui chơi giải trí mới tác động đến người dân, sự biến đổi trong chính nhu cầu của người dân. Công trình này nhấn mạnh đến việc giữ gìn, phát huy những nét văn hóa truyền thống, những thói quen giải trí truyền thống của người dân, trong đề tài cũng đề cập đến quá trình đô thị hóa cũng những biến đổi liên tục trong các dịch vụ vui chơi giải trí, những loại hình giải trí cũ được thay thế bằng những loại hình vui chơi hiện đại, đa dạng phong phú.

Đưa ra giải pháp giữ gìn pháp huy văn hóa trong hoạt động vui chơi giải trí, .Xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần của người dân góp phần phát triển văn hóa xã hội.

- Cuốn “tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho công nhân lao động ở thành phố hải phòng hiện nay, Nguyễn Quang Linh,(2006). Trong đề tài này tác giả đã khái quát hóa vai trò văn hóa giải trí trong đời sống con người đặc biệt là bộ phận người lao động, thực trạng nhu cầu giải trí của công nhân, đưa ra các giải pháp để đáp ứng và tăng khả năng trong tiếp cận về vui chơi giải trí.

Trong luận văn này tác giả cũng đưa ra được thực trạng cũng như nhu cầu về vui chơi giải trí đối với công nhân, phân tích được nguyên nhân đồng thời đưa ra những cái nhìn toàn diện về vấn đề này. Công nhân cũng là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu dân số lao động và việc làm, tạo ra của cải vật chất, tạo nên sinh phẩm để duy trì cuộc sống con người. Nhưng trong đời sống hiện nay của đại bộ phận công nhân lao động đang bị thiếu hụt nhu cầu về vui chơi giải trí, đời sống văn hóa tinh thần thiếu thốn, khả năng đáp ứng nhu cầu này của xã hội là rất thấp. Hoạt động giải trí là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu hoạt động của cá nhân, góp phần tạo nên diện mạo văn hóa cá nhân, và là một trong những thước đo lối sống con người. Vì vậy cũng tình trạng tương tự nhưng chưa có một nghiên cứu sâu nào đối với trẻ em. Tác giả đi sâu nhu cầu này với trẻ em, bởi trẻ em cũng là một bộ phận dân số khá đông, là một đề tài phù hợp về đối tượng cũng như vấn nạn cho chuyên ngành công tác xã hội. Qua đó tác giả muốn nhấn mạnh hơn nữa quyền lợi cũng như chính sách đối với thế hệ trẻ- chủ nhân tương lai của đất nước, nâng cao chỉ số phát triển con người Việt Nam lên một tầm cao mới.

Có thể thấy rằng tuy chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về nhu cầu vui chơi giải trí nhưng đây lại là vấn đề nhức nhối đáng quan tâm của xã hội, thể hiện rằng nước ta, con người Việt Nam ta đang phát triển không đồng đều. Trẻ em nông thôn và trẻ em thành có một cuộc sống tương đối khác nhau. Nhu cầu giải trí của trẻ em nông thôn đang cần có cái nhìn nghiêm túc mà chưa có công trình nghiên cứu sâu về vấn đề này của trẻ. Kế thừa những kết quả của nghiên cứu đó, tác giả xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.

3. Ý nghĩa của luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn đã nêu bật vấn đề vui chơi giải trí của trẻ em nông thôn độ tuổi 10- 15 xã Yên Tân huyện Ý Yên hiện nay và đưa ra được cơ sở pháp lý về quyền vui chơi giải trí của trẻ em .Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ của vui chơi giải trí cho các em cũng như các yếu tố liên quan đến nhu cầu vui chơi của trẻ mà xuất phát điểm từ chính cộng đồng đó.

Về mặt thực tiễn: Từ cơ sở lý luận, thực trạng và những khó khăn, luận văn đã đưa ra được các giải pháp đặc biệt là mô hình “Trung tâm văn hóa-giải trí và phát triển tài năng trẻ” để góp phần giải quyết được bài toán sân chơi cho trẻ cũng như quyền lợi vui chơi của trẻ. Cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ không chỉ cho trẻ em ở độ tuổi 10-15 mà còn toàn thể trẻ em trong xã .Là một trong những thay đổi lớn trong quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020.

Ý nghĩa đối với chính các em nhỏ: luận văn đã phản ánh đúng thực trạng vui chơi giải trí của trẻ tại xã Yên Tân huyện Ý Yên, những nhu cầu vui chơi cơ bản của trẻ, phân tích nguyên nhân cũng như tình hình địa phương trong việc đáp ứng nhu cầu vui chơi của trẻ. Hơn nữa luận văn còn nêu lên được tầm quan trọng của vui chơi giải trí đối với sự phát triển của trẻ, vui chơi của các em cũng như sự tham gia của các em được nâng cao trong mọi hoạt động trong xã hội. Quan trọng nhất hơn là giải quyết được “bài toán” sân chơi và vấn đề vui chơi giải trí của các em vốn dĩ là vấn đề nhức nhối ở xã Yên Tân cũng như trẻ em nông thôn nói chung.

Mô hình “Trung tâm văn hóa-giải trí và phát triển tài năng trẻ” thực sự có ý nghĩa đối với các em, nó như một thế giới mới khi các em khao khát được vui chơi. Trước thực trạng khan hiếm địa điểm chơi, nghèo nàn về đồ chơi, các loại hình giải trí đơn điệu, tẻ nhạt, không thu hút các em, thiếu nhân lực và cơ quan tổ chức thì mô hình như một địa điểm đến không thể thiếu của các em. Là món quà tinh thần cho trẻ em nơi đây, thổi vào cuộc sống của các em một sinh khí mới, các em được khuyến khích chơi, khuyến khích học, khuyến khích sáng tạo, có cơ hội tìm hiểu về các kiến thức xã hội, được tham gia các hoạt động tập thể, được thể hiện tài năng, năng lực của mình và hơn thế đó là được khẳng định bản thân mình- một trong những nhu cầu cao nhất trong tháp nhu cầu của Maslow

Ý nghĩa đối với cha mẹ: Luận văn tác động sâu sắc tới nhận thức của các bậc cha mẹ về quyền vui chơi giải trí. Khẳng định rằng vui chơi giải trí là quyền lợi cơ bản của trẻ em và trẻ em có quyền được hưởng thụ quyền lợi đó. Giúp cho bậc phụ huynh nhận ra rằng vui chơi là một nhu cầu tất yếu của trẻ, chỉ ra vai trò của vui chơi trong sự phát triển của trẻ. Chỉ rõ vai trò và trách nhiệm của cha mẹ trong việc đảm bảo quyền vui chơi giải trí của trẻ. Cha mẹ là những người chung tay cùng với chính quyền địa phương, nhà trường và xã hội tạo ra một môi trường vui chơi lành mạnh, an toàn cho trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần.

Ý nghĩa đối với chính quyền địa phương: là luận văn đầu tiên làm về vấn đề vui chơi giải trí của trẻ tại xã Yên Tân, một nhu cầu tưởng chừng như bản năng của mỗi đứa trẻ, sự thành công của mô hình giúp cho địa phương quan tâm hơn đến nhu cầu này của trẻ, đặt nền móng cho sự đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người, giải quyết vấn đề sân chơi vốn là vấn đề nhức nhối của địa phương lâu nay.

Mô hình được vận dụng vào đời sống của các em nơi đây, giúp các em thay đổi tư duy, thay đổi cách chơi cũng như thay đổi nhu cầu vui chơi của các em. Hạn chế những tai nạn thương tích xảy ra đối với các em. Thể hiện là một địa phương đi đầu trong việc chăm sóc bảo vệ trẻ em. Đặc biệt là trẻ em nông thôn, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, những trẻ em đang thiệt thòi mà cần sự quan tâm từ phía gia đình, nhà trường, và toàn xã hội.

4. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm rõ được thực trạng nghèo, mức độ nghèo về vui chơi giải trí của trẻ em nông thôn 10-15 tuổi trong địa bàn xã Yên Tân và nguyên nhân của thực trạng
- Đánh giá nhu cầu sử dụng dịch vụ vui chơi giải trí và mức độ tiếp cận của trẻ em nông thôn nơi đây.
- Nêu ra vấn đề có tính chất lý luận khoa học, quản lý, định hướng giải trí cho trẻ em, làm cơ sở khoa học tham khảo cho việc xây dựng các chính sách, dịch vụ liên quan tới quyền lợi cũng như nhu cầu được vui chơi giải trí của trẻ em, đặc biệt là trẻ em nông thôn.
- Đề xuất giải pháp mô hình nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em xã Yên Tân.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa được một số vấn đề lý luận về vui chơi giải trí của trẻ em, luận văn phân tích được nhu cầu vui chơi của trẻ xã yên tân
- Làm rõ thực trạng của đề tài nghiên cứu, đưa ra mô hình phù hợp và khả thi với tình hình địa phương.

6. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu.

6.1 Đối tượng nghiên cứu

Mô hình hoạt động đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ độ tuổi 10-15 và khả năng tiếp cận dịch vụ vui chơi giải trí của trẻ em tại xã Yên Tân.

6.2 Khách thể nghiên cứu

Trẻ em nói chung, nhất là trẻ em nghèo đa chiều ở độ tuổi 10-15 tại Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

6.3 Phạm vi nghiên cứu.

Vấn đề đặt ra được nghiên cứu tại xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định

Thời gian nghiên cứu tháng 1/2016- 10/2016

Nghiên cứu trẻ em đang độ tuổi vui chơi, trẻ em đang độ phát triển 10-15 tuổi

7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

7.1 Câu hỏi nghiên cứu

1. Cơ hội được vui chơi giải trí của trẻ em trong Yên Tân ở mức độ nào
2. Tại sao vui chơi giải trí của trẻ em lại chưa được người dân ở Yên Tân đề cao.
3. Cần phải có giải pháp nào cho vấn đề vui chơi giải trí cho trẻ em xã Yên Tân?

7.2 Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết thứ nhất: Nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ em từ độ tuổi 10- 15 cao và đa dạng nhưng chưa được đáp ứng.

Giả thuyết thứ hai: Hiện nay trong tiếp cận các dịch vụ vui chơi giải trí tồn tại sự khác biệt giữa trẻ em nói chung và nhóm trẻ em nghèo đa chiều.

Giả thuyết thứ ba: Có nhiều yếu tố dẫn đến sự thiệt thòi trong tiếp cận các dịch vụ vui chơi giải trí của trẻ em xã Yên Tân: yếu tố về kinh tế - văn hóa- xã hội, yếu tố quan niệm gia đình, khoảng cách địa lý, yếu tố tiếp cận nguồn thông tin vui chơi giải trí.

8. Phương pháp nghiên cứu.

8.1 Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp(sẵn có). Báo cáo của địa phương về tình hình vui chơi giải trí của trẻ em, các nghiên cứu về tình hình vui chơi giải trí trên địa bàn

8.2 Phương pháp thu thập thông tin từ thực địa

8.2.1 Phương pháp điều tra bằng hỏi

Phương pháp này được thực hiện trên cơ sở một bảng hỏi đã được chuẩn hóa để thu thập thông tin, giúp hiểu rõ hơn về tổng nghiên cứu. Thu thập được những số liệu cụ thể, chi tiết biết được thực trạng vấn đề vui chơi giải trí, nhu cầu vui chơi của các em là như thế nào, mong muốn và nguyện vọng của các em và nhân dân trên địa bàn. Để tiến hành nghiên cứu tác giả tiến hành khảo sát 60 phiếu dành cho các em nhỏ từ 10-15 tuổi tại xã Yên Tân

8.2.2 Phương pháp phỏng vấn sâu

Trong quá trình phỏng vấn sâu, tác giả sẽ tập trung tìm hiểu những vấn đề hay những phát hiện mới liên quan đến đề tài mà phương pháp định lượng chưa đề cập. Các thông tin thu thập được từ phương pháp này sẽ giúp tác giả có những hiểu biết sâu hơn về tình hình vui chơi giải trí cũng như thực trạng tiếp cận dịch vụ xã hội của người dân trên địa bàn khảo sát. Tác giả tiến hành phỏng vấn sâu 15 trường hợp. Bao gồm trẻ em độ tuổi 10-15 trong xã, phụ huynh, cán bộ đoàn, cán bộ văn hóa xã, lãnh đạo xã.

8.2.3 Phương pháp quan sát

Tác giả sử dụng phương pháp quan sát để có thể dễ dàng làm rõ được thực trạng vui chơi của trẻ em nơi đây, sự hiểu hụt trên nhiều khía cạnh của cuộc sống thiếu sân chơi, nêu bật lên được những nhu cầu rất cơ bản của các em, thấy được tính cấp thiết phải xây dựng một mô hình vui chơi giải trí kết hợp với văn hóa giáo dục để giải quyết các nhu cầu cơ bản của trẻ.

9. Kết cấu của luận văn

Nội dung luận văn : Luận văn bao gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng về vui chơi giải trí tại xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Chương 3: Đề xuất mô hình và khuyến nghị

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của nghiên cứu

1. Khái niệm và thuật ngữ có liên quan đề tài nghiên cứu

1.1.1 Khái niệm về nhu cầu

Theo chủ nghĩa Mác- Lênin xã hội loài người vận động và phát triển theo quy luật của hình thái kinh tế xã hội, sự thay thế này chịu sự quy định của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Những lực lượng sản xuất này sẽ góp phần thỏa mãn những nhu cầu cơ bản và thỏa mãn những nhu cầu cao hơn của con người. Điều đó có nghĩa là nhu cầu kích thích lực lượng sản xuất. Mác viết không có nhu cầu thì không có sản xuất.

Có thể nói nhu cầu con người luôn luôn thay đổi từ thấp đến cao, từ dạng này sang dạng khác. Nhu cầu này được thỏa mãn, lập tức xuất hiện các nhu cầu khác. Trong mỗi con người đều hình thành hệ thống nhu cầu, nhu cầu nào lớn sẽ chi phối các nhu cầu khác và đòi hỏi con người phải đáp ứng nhu cầu đó.

Bên cạnh đó nhu cầu cũng là một mâu thuẫn vừa xuất hiện lại vừa mất đi, nó hoàn toàn được thỏa mãn, rồi lại nảy sinh nhu cầu mới. Chính vì vậy những nhu cầu nhất định của con người là có tính lịch sử, cụ thể nhưng tổng các nhu cầu chỉ tồn tại vĩnh cửu với đời sống hoạt động con người. Do đó hoạt động vui chơi giải trí của trẻ em nhằm thỏa mãn nhu cầu, cũng như tạo ra nhu cầu mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người còn mang bản chất xã hội và nhân văn trong hoạt động của chính họ. C. Mác đã khẳng định: “cảm giác bị nhu cầu thực tiễn thô lậu cầm tù chỉ có một ý nghĩa hạn hẹp. Đối với con người sắp chết đói thì không có hình thức người của thức ăn, mà chỉ có sự tồn tại trừu tượng của nó với tính cách là thức ăn có thể có hình thức thô lỗ nhất và không thể nói nuốt thức ăn ở chỗ nào. Con người cùng khổ bị những nỗi lo lắng dày vò hững hờ ngay cả đối với cảnh tượng tuyệt đẹp .

Bất cứ hoạt động nào của con người cũng là nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của bản thân. Nhưng nhu cầu với tư cách là một điều kiện bên trong là trạng thái thiếu thốn của cơ thể trạng thái này không gây ra bất kỳ hoạt động nào có định hướng nhất định. Chức năng của nó chỉ giới hạn trong việc phát động những chức năng sinh lý tương ứng và kích thích chung đối với lĩnh vực biểu hiện thành những cử động tìm tòi không có phương hướng. Chỉ khi nào gặp được đối tượng đáp ứng thì khi đó nhu cầu mới trở thành có năng lực hướng dẫn và điều chỉnh hoạt động sự việc cho nhu cầu chứa đầy nội dung rút ra từ thế giới xung quanh.

Như vậy các nhà khoa học tập trung làm rõ khái niệm, đặc trưng chủ yếu của nhu cầu con người xã hội. Chúng ta có thể thấy:

Dưới góc độ tâm lý cá nhân, vấn đề nhu cầu được tiếp cận với tư cách một cấu trúc tâm lý quy định xu hướng nhân cách, khẳng định một cách hệ thống rằng “nhu cầu-nguồn gốc bên trong tạo nên tính tích cực của con người.xuất phát từ quan điểm cho rằng, nhu cầu là những đòi hỏi khách quan của mỗi con người.

Theo từ điển tóm tắt xã hội học (tiếng Nga) “nhu cầu là đòi hỏi điều gì đó cần thiết để, đảm bảo hoạt động sống của cơ thể, của những nhân cách con người của nhóm xã hội hoặc toàn xã hội nói chung; là nguồn thôi thúc nội tạng của hoạt động”.

Tác giả Lê Thị Kim Chi, Viện Triết học đưa ra khái niệm: nhu cầu là những trạng thái thiếu hụt và những đòi hỏi cần được đáp ứng của chủ thể (con người và xã hội) để tồn tại và phát triển.

Theo quan điểm của tâm lý học thì khái niệm nhu cầu dùng để chỉ sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy được thỏa mãn để đảm bảo sự tồn tại và phát triển.

Nhu cầu bao giờ cũng có đối tượng cụ thể và nội dung của nó do những điều kiện và phương thức thỏa mãn quy định. Khi nào đối tượng của nhu cầu có khả năng đáp ứng thì lúc đó nhu cầu trở thành động lực thúc đẩy hoạt động của các cá nhân hay nhóm xã hội

Nhu cầu của con người rất đa dạng thường được chia làm 2 loại đó là nhu cầu vật chất và tinh thần.

Nhu cầu vật chất có liên quan mật thiết với hoạt động của cơ thể vì đôi khi được mô tả như các xung năng sơ cấp hoặc sinh lý. Chẳng hạn như xung năng tình dục, xung năng đói. Đó là các nhu cầu bẩm sinh, các nhu cầu vật chất thông thường ở người là nhu cầu thực phẩm, phương tiện sinh sống như: nước,oxy, không khí để tồn tại sự sống. Nhu cầu được hoạt động hoặc kích thích cảm giác và vận động kể cả khoái cảm, tình dục, luyện tập cơ thể và nghỉ ngơi.

Nhu cầu tinh thần nảy sinh trên cơ sở nhu cầu vật chất, và được nhu cầu vật chất nuôi dưỡng.Nhu cầu tinh thần làm cho nhu cầu vật chất biến dạng cao thường phức tạp hơn thêm. Nhu cầu tinh thần vô cùng đa dạng: nhu cầu được giao lưu văn hóa nghệ thuật, nhu cầu chơi thể thao, vui chơi, nhu cầu làm khoa học chính trị...

Kế thừa và bổ sung tác giả đưa ra khái niệm nhu cầu: “*Nhu cầu là sự đòi hỏi một cái gì đó để có thể đáp ứng những mong mỏi của chủ thể, nhu cầu này nối tiếp nhu*

cầu kia một cách cao hơn, hoạt động mới được nảy sinh, thúc đẩy sự phát triển con người và xã hội”.

Như vậy tóm lại nhu cầu của con người là vô cùng, nhu cầu con người càng nhiều thể hiện đời sống con người càng cao. Nhu cầu được vui chơi giải trí, giao lưu văn hóa là một trong những nhu cầu đó của con người.

1.1.2 Khái niệm về dịch vụ

Theo từ điển tiếng Việt: dịch vụ là công cụ phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của số đông, có tổ chức và được trả công [20, 256]

Dịch vụ là hoạt động có chủ đích nhằm đáp ứng nhu cầu nào đó của con người. Đặc điểm của dịch vụ là không tồn tại ở dạng sản phẩm cụ thể (hữu hình) như hàng hóa nhưng nó phục vụ trực tiếp cho nhu cầu nhất định của xã hội. [19, 136]

Dịch vụ vui chơi giải trí là một trong những dịch vụ quan trọng trong các dịch vụ xã hội. Và dịch vụ xã hội được Liên hợp quốc định nghĩa như sau: Dịch vụ xã hội cơ bản là các hoạt động dịch vụ cung cấp những nhu cầu cho các đối tượng nhằm đáp ứng những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

Dịch vụ xã hội bao gồm 4 loại chính:

Dịch vụ đáp ứng những nhu cầu vật chất cơ bản: Việc ăn uống, vệ sinh, chăm sóc, nhà ở... mọi đối tượng yếu thế là trẻ em, người tàn tật mất khả năng lao động đều phải được đáp ứng nhu cầu này để phát triển về thể lực.

– *Dịch vụ y tế:* Bao gồm các hình thức khám chữa bệnh, điều dưỡng phục hồi chức năng về thể chất cũng như tinh thần cho các đối tượng.

– *Dịch vụ giáo dục:* Trường học, các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng sống, các hình thức giáo dục hoà nhập, hội nhập và chuyên biệt...

– *Dịch vụ về giải trí, tham gia và thông tin:* Đây là loại hình dịch vụ xã hội rất quan trọng đối với các đối tượng thuộc nhóm đối tượng công tác xã hội, hoạt động giải trí như văn nghệ, thể thao,... nâng cao sự tự tin, đẩy mạnh hoà nhập tốt hơn với cộng đồng, nâng cao sự hiểu biết, kiến thức cho đối tượng...

Trong chuyên đề nghiên cứu này tác giả chỉ đi sâu vào dịch vụ vui chơi giải trí để thấy rõ được sự thiếu hụt trong các nhu cầu cơ bản của trẻ em.

1.1.3 Khái niệm vui chơi giải trí trẻ em

Theo từ điển tiếng Việt Giải trí là nhu cầu hoạt động thẩm mỹ trong thời gian rảnh rỗi, là sự thanh thản về đầu óc, bay bổng về tâm hồn, con người hoàn toàn tự do, thoát khỏi những băn khoăn lo lắng, say sưa với hoạt động giải trí. [26,331]

Nhu cầu giải trí là động cơ của hoạt động giải trí. Khi xuất hiện nhu cầu giải trí con người bị thôi thúc hành động để thỏa mãn nhu cầu đó. Nhu cầu giải trí thuộc cấp bậc cao của nhu cầu con người do không gắn liền với sự tồn tại sinh học mà là sự vươn cao, nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần tự hoàn thiện và khẳng định mình.

Nhu cầu giải trí là nhu cầu phát triển toàn diện trí não của con người sau thời gian lao động mệt mỏi và học tập căng thẳng, các trò chơi sáng tạo giúp con người phát triển về trí tuệ và tư duy, các trò chơi vận động giúp con người con phát triển về thể lực, những hoạt động thưởng thức nghệ thuật, ca múa nhạc, văn hóa văn nghệ... là các hoạt động vô cùng thiết thực nâng cao đời sống thẩm mỹ

Theo từ điển xã hội học :“giải trí là một dạng hoạt động của con người, đáp ứng những nhu cầu phát triển của con người về mặt thể chất, trí tuệ và mỹ học”. Và “ giải trí không phải là nhu cầu của từng cá nhân mà còn là nhu cầu của đời sống cộng đồng” [27,612]

Vui chơi giải trí là làm cho trí hóa thành chơi, không lo nghĩ [26,520].

Giải trí không đối lập và tách rời với lao động cũng giống như lao động, giải trí là một bộ phận cấu thành hoạt động sống của con người mà nhất là đối với trẻ em. Nó là dạng hoạt động tự do mà cá nhân có toàn quyền lựa chọn theo sở thích, trong khuôn khổ hệ thống chuẩn mực xã hội. nó đồng thời cũng là hoạt động không vụ lợi, nhằm mục đích giải tỏa sự căng thẳng tinh thần để đạt sự thư giãn, thanh thản trong tâm hồn, cao hơn nữa là đạt tới dung cảm thẩm mỹ của cá nhân như thưởng thức nghệ thuật, chơi trò chơi, sinh hoạt theo chủ đề...

1.1.4. Khái niệm trẻ em, trẻ em nghèo và trẻ em nghèo đa chiều

Khái niệm trẻ em: Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 của Việt Nam trẻ em là công dân dưới 16 (mười sáu) tuổi(điều 1).

Trẻ em nghèo: là những công dân dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo.

Trẻ em nghèo đa chiều: Trong thực tế trẻ em chưa tạo ra thu nhập cũng như tự quyết định được chi tiêu mà hoàn toàn phụ thuộc vào môi trường sống, sự bao cấp của gia đình và sự hỗ trợ của xã hội. Theo cách tiếp cận của UNICEF và MOLISA đã sử dụng khái niệm trẻ em nghèo đa chiều, dựa trên 8 nhu cầu cơ bản của trẻ trên các lĩnh vực là : giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, dinh dưỡng, lao động trẻ em, vui chơi giải trí, sự thừa nhận và bảo trợ xã hội. Theo quan điểm đa chiều, một trẻ em được xác định là nghèo khi không đảm bảo 2 trong 8 tiêu chí trên.

Theo đó Bộ LĐTB&XH và tổng cục Thống Kê với hỗ trợ kỹ thuật của LHQ đã xây dựng một công cụ đo lường nghèo đói của trẻ em phù hợp với Việt Nam. Trên cơ sở cân nhắc những nhu cầu và quyền lợi cơ bản của trẻ em, công cụ này vượt xa hơn với công cụ đo lường bằng tiền tệ (nghèo đơn chiều).

Trong luận văn này tác giả xin áp dụng khái niệm trẻ em nghèo đa chiều để phân tích được thực trạng cũng như nhu cầu vui chơi của trẻ em nông thôn ở độ tuổi 10-15. Sử dụng khái niệm trẻ em nghèo đa chiều mới đánh giá được tổng thể sự phát triển của trẻ em hiện nay, và đây cũng là khái niệm đang được Việt Nam ứng dụng cho việc đánh giá các tiêu chí để xác định là nghèo của trẻ em Việt Nam. Tác giả vận dụng khái niệm nghèo đa chiều đánh giá nghèo ở trẻ em xã Yên Tân mà vui chơi giải trí là nổi trội hơn cả.

Một trẻ em được coi là nghèo đa chiều: khi chúng thiếu 2 trong 8 tiêu chí nêu trên. Trẻ em trên địa bàn xã Yên Tân xét một cách tổng thể thì các em đã được đáp ứng khá tốt 5/8 tiêu chí trên đó là : Giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, lao động trẻ em. Còn lại 3 tiêu chí vui chơi giải trí, dinh dưỡng, sự thừa nhận và bảo trợ xã hội đáp ứng ở mức thấp hơn. Trong đề tài này tác giả tập trung vào lĩnh vực vui chơi giải trí bởi đây là lĩnh vực nghèo rõ rệt nhất của trẻ em nơi đây.

Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em có nhiều loại hình, mỗi loại hình phục vụ nhu cầu giải trí khác nhau của trẻ. Tại các thành phố lớn thì tập trung nhiều điểm vui chơi giải trí như: vườn bách thú, công viên, cung văn hóa thiếu nhi, khu vui chơi tập trung của các doanh nghiệp tư nhân mở kinh doanh đa dạng các trò chơi từ điện tử đến thể thao.

1.1.5. Khái niệm về mô hình

Mô hình là một danh từ khá phổ biến trong các cuộc hội thảo, trong các bài giảng lý thuyết ở tất cả các lĩnh vực khác nhau, ngành nghề khác nhau. Với mỗi đặc thù của từng ngành nghề mà mô hình được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

Theo từ điển tiếng việt “ mô hình là vật cùng hình dạng nhưng làm thu nhỏ lại nhiều, mô phỏng cấu tạo và hoạt động của một vật khác để trình bày nghiên cứu.[26,215]

Một khái niệm khác “ Mô hình là cái mô tả về cách thức tổ chức hoạt động của đơn vị, cơ quan tổ chức cộng đồng. Từ điển tiếng việt [27,128]

Mô hình là hình thức diễn đạt theo mẫu nào đó. Bằng ngôn ngữ, hình ảnh sơ đồ, la bàn, ký hiệu tượng trưng cho các sự vật, con người, hiện tượng tự nhiên.

Theo từ điển tiếng việt: Mô hình là một hệ thống các yếu tố vật chất hoặc ý niệm (tư duy) để biểu diễn, phản ánh hoặc tái tạo đối tượng cần nghiên cứu, có đóng vai trò đại diện, thay thế đối tượng thực sao cho việc nghiên cứu mô hình cho ta những thông tin mới tương tự đối tượng thực.[26,210]

Tính chất của mô hình:

+ Tính tương tự: có sự tương tự giữa mô hình và thực tế, chúng có những đặc điểm cơ bản có thể so sánh với nhau được như: cấu trúc, chức năng, thuộc tính, cơ chế vận hành...

+ Tính đơn giản: mô hình chỉ phản ánh một hoặc một số mặt nào đó của đối tượng gốc.

+ Tính trực quan: mô hình là sự tái hiện đối tượng nghiên cứu dưới dạng trực quan.

+ Tính lý tưởng: khi mô hình hóa đối tượng gốc, ta đã khái quát hóa, trừu tượng hóa, phản ánh đặc tính của đối tượng gốc ở mức độ hoàn thiện hơn.

+ Tính quy luật riêng: mô hình có những tính chất riêng được quy định bởi các phần tử tạo nên nó.

Ví dụ: Mô hình tế bào được làm bào chất liệu khác với tế bào thực; mô hình trường học tiên tiến có nét riêng bởi các thành tố của trường đó (đội ngũ, cơ sở vật chất, môi trường giáo dục, quản lý...)

Trong nghiên cứu khoa học thì việc sử dụng mô hình như một phương pháp cơ bản, khái quát hóa toàn bộ công trình nghiên cứu, đưa ra những tính chất, đặc điểm, ưu điểm hóa của mô hình xuất phát từ thực tế.

Mô hình “**Văn hóa-giải trí và phát triển tài năng trẻ**” tại xã Yên Tân là mô hình được xây dựng thiết kế từ chính nhu cầu của cộng đồng đó. Có các thành phần cấu tạo nên, có một cách thức tổ chức riêng, đội ngũ duy trì nó, cơ sở vật chất, sự quản lý, nhân lực và tài lực.

- Các thành phần tạo nên mô hình “văn hóa- giải trí và phát triển tài năng trẻ” chính là nhân dân trong xã, các em nhỏ, các em thanh thiếu niên, nhân viên công tác xã hội, chính quyền địa phương.
- Có cách thức tổ chức bài bản, nguyên lý hoạt động khoa học
- Cơ sở vật chất xuất phát từ nhà văn hóa cũ của xã, do nhân dân đóng góp, sự đầu tư của chính quyền địa phương, của Đảng và Nhà nước, từ sự quyên góp ủng hộ các nhân đoàn thể, các tổ chức thiện nguyện... và từ chính sản phẩm của các em làm ra.

Tính chất của mô hình: Nó có tính tương tự như: một cung văn hóa thiếu nhi bao gồm các hoạt động, các chương trình diễn ra, nội dung của mô hình phục vụ lợi ích cao nhất của các em nhỏ và bà con nhân dân trong xã.

Tính đơn giản : Mô hình được xây dựng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận mà với mục đích phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, học tập của các em nhỏ, nhu cầu được tham gia giao lưu văn hóa của bà con, phục vụ lợi ích xứng đáng của toàn thể nhân dân trong xã, các em nhỏ trong cộng đồng.

Tính trực quan: mô hình là nơi hội tụ văn hóa, hội tụ sự sáng tạo là cái nôi nuôi dưỡng, ươm mầm những tài năng nhí. Là nơi giao thoa giữa con người với con người kết hợp giữa học mà chơi mà học.

Tính lý tưởng: mô hình không đơn thuần chơi và giải trí mà kết hợp nhiều hoạt động vận dụng cả về vận động thể lực, vận động trí não, kết hợp giữa chơi và học. sử dụng những trò chơi mang tính sáng tạo, tư duy trí não. Có tính logic và

suy luận. các em được bồi dưỡng về tâm hồn thông qua các hoạt động kể chuyện về lịch sử, về con người, về thiên nhiên....do các biên tập viên nhí....

Qua đó kết hợp học văn hóa, học tiếng anh với những phương pháp dễ hiểu và tiếp thu nhất, tạo nên không khí học hào hứng, thu hút mọi sự tham gia của các em và cả người dân.

Tính đặc trưng riêng: mô hình này rất đặc biệt bởi nó xuất phát từ lợi ích chung của cộng đồng, dành riêng cho trẻ em nông thôn, đặc biệt là những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Giải quyết vấn đề sân chơi cho trẻ cũng như nghèo nàn về đồ chơi và các loại hình giải trí. Cấu tạo, thành phần của mô hình này không phải là nhà kinh doanh, không phải là một đơn vị tư nhân hay hoàn toàn nhà nước mà chính là nhân viên công tác xã hội, nhân dân và chính cá em nhỏ. Nó có một sự gắn kết đặc biệt từ tình yêu thương giữa con người với con người với nhau.

1.2 Một số vấn đề lý luận về vui chơi giải trí cho trẻ em.

1.2.1- Vui chơi giải trí là nhu cầu tất yếu của trẻ em

Vui chơi giải trí luôn là một nhu cầu thiết yếu của mỗi con người, cũng giống như nhu cầu ăn, mặc ở, nhu cầu vui chơi giải trí được con người ngày càng coi trọng và là một phần trong đời sống chúng ta. Đối với trẻ nhỏ vui chơi không chỉ là hiện tượng tâm lý của mỗi một đứa trẻ mà nó còn là quyền lợi mà chúng xứng đáng được hưởng, đảng và nhà nước ta, chính quyền địa phương và tất cả nhân dân cần đảm bảo quyền lợi này của trẻ.

Thông qua vui chơi, trẻ em tìm hiểu thế giới xung quanh, giúp tăng cường hiểu biết, tích lũy kinh nghiệm sống. Chơi là một phần thiết yếu trong giáo dục trẻ đầu đời, là huyết mạch nuôi dưỡng quá trình học tập, khi trẻ em chơi cũng là lúc chúng đang phát triển các kỹ năng nhận thức, tình cảm xã hội và kỹ năng cơ thể, là những thứ trẻ cần tích lũy cho sự thành công khi đến tuổi trưởng thành. Trẻ được phát triển tính ham hiểu biết, kỹ năng giải quyết vấn đề, hành động linh hoạt, có chủ ý, và các kỹ năng biểu đạt không lời và bằng lời.

Vui chơi giải trí tác động đến sự phát triển toàn diện của trẻ, các trò chơi thường xuyên khuyến khích phát triển trí não của trẻ nhất là các trò chơi mang tính sáng tạo, trí tuệ, đòi hỏi tư duy. Hình thành cho trẻ những kỹ năng ghi nhớ, tiếp nhận và xử lý thông tin, đưa ra các phản ứng với môi trường và phát triển ngôn ngữ nói. Vui chơi giải trí không chỉ giúp trẻ phát triển trí não, tư duy, ngôn ngữ mà còn giúp chúng phát triển thể lực, thông qua các trò chơi vận động thể lực, thông qua các môn thể thao. Đối với mỗi đứa trẻ vui chơi giải trí giúp chúng phát triển kỹ năng vận động/trí tuệ, nhận thức, xã hội thông qua các hoạt động thể thao, vui chơi... cơ thể được vận động, sức khỏe được tăng cường, đặc biệt có ích đối với trẻ em khuyết tật.

Khi một đứa trẻ bị khiếm khuyết một phần nào đó trên cơ thể, nên khuyến khích em cố gắng phát huy điểm mạnh nào đó của bản thân, em vẫn có cơ hội tham gia vào những hoạt động chung của cộng đồng, như tham gia đội văn nghệ của thôn xóm, chơi đàn hoặc phụ trách trang trí, may quần áo cho diễn viên... Nhờ vậy, những đứa trẻ như vậy sẽ trở nên có ích cho cộng đồng. Tạo nên thái độ tốt của chúng đối với xã hội và gia đình. Khi tham gia các cuộc thi đấu, các ngày hội thể thao của các em thiếu nhi, các em được thể hiện hết năng lực của bản thân, khiến mọi người hiểu thêm về chúng, tạo được mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng.

Ngược lại khi các em không được đáp ứng nhu cầu này, thì điều đầu tiên các em phải gánh chịu đó là sự thiệt thòi, không được phát triển một cách toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần. Các em sẽ trở nên nhút nhát hơn so với các bạn khác, sự hiểu biết xã hội bị hạn chế, thậm chí là không dám thể hiện bản thân mình mặc dù là có thể có năng lực. Trẻ em không được vui chơi giải trí sẽ phát triển chậm hơn, tụt hậu hơn so với những đứa trẻ khác, thể hiện một xã hội phát triển không đồng đều, thể hiện chỉ số phát triển con người của một cộng đồng đó thấp.

1.2.2. Quyền được vui chơi giải trí của trẻ em.

Quyền được vui chơi giải trí: đó là quyền lợi cơ bản nhất của một đứa trẻ, Đảng và Nhà nước cần nhìn nhận vấn đề này một cách nghiêm túc vấn đề này.

Theo công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em (CRC), trẻ em có quyền nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí phù hợp với lứa tuổi, tự do tham gia đời sống văn hóa, nghệ thuật. Còn Luật Bảo vệ, chăm sóc

và giáo dục trẻ em của ta cũng luôn có khẩu hiệu “Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi”. Nhưng việc thực hiện quyền này chưa thực sự đồng đều trên tất cả các vùng miền.

Nếu như trẻ ở thành thị có công viên để chơi, có vườn bách thú để thăm, có thư viện để đọc sách thì trẻ em nông thôn chỉ gắn liền với cánh đồng, những đường đê với cánh diều cao vút, hay gắn liền với con trâu con bò mà nhiều trẻ em nông thôn đang vẫn hằng ngày gắn bó. Trẻ em nông thôn ngoài việc học trên lớp về nhà các em thường phải tăng gia sản xuất, lao động giúp đỡ gia đình. Các em không có thời gian tham gia các phong trào văn hóa thể thao, cũng như không có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội, được giao lưu bạn bè, tham gia các hoạt động xã hội.

Việc thúc đẩy quyền vui chơi, giải trí của trẻ em không được chú ý, quyền này thường bị bỏ qua, được coi là điều gì đó xa xỉ chứ không phải là nhu cầu của cuộc sống. Hơn nữa ở nhiều nền văn hóa, trong đó có Việt Nam, trẻ em thường bị coi là "trẻ con", không có quyền hành gì cả, hoàn toàn lệ thuộc và có bổn phận phải vâng lời người lớn. Ủy ban của Liên Hiệp Quốc về CRC nhận định những mối ưu tiên trong chương trình nghị sự của người lớn thường quên quyền này của trẻ em, nhất là đối với trẻ em bị thiệt thòi, các em ở vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Trong khi đó, trẻ em muốn nói với chúng ta - người lớn - rất nhiều điều, nếu không nói là tất cả mọi điều về những gì chúng ta cần phải biết để giúp trẻ em lớn lên, phát triển. Để biết trẻ em muốn nói gì, người lớn hãy đi theo và lắng nghe quan sát xem trẻ em thích đến những đâu, làm những gì, tại sao. Thường là người lớn sẽ thấy trẻ em đang vui chơi, giải trí, và những trò chơi, trò giải trí của trẻ em sẽ cho người lớn thấy trẻ em là ai, đang cảm nhận như thế nào, có thể làm gì, muốn trở thành người như thế nào... Nếu người lớn thấy trẻ em không vui chơi, không giải trí, không nghỉ ngơi thì đó là dấu hiệu bất ổn đối với trẻ em, và người lớn cần phải hành động.

1.2.3 Gia đình, nhà nước xã hội có trách nhiệm đảm bảo nhu cầu và quyền vui chơi giải trí cho trẻ em.

Ngay từ trong gia đình chính cha mẹ là người phải luôn chú ý đến nhu cầu này của trẻ. Trẻ em vui đi chơi, đòi mua đồ chơi, thích được tham gia các hoạt động mang tính giải trí, nghệ thuật đó không phải là những trẻ em hư, trẻ em vòi vĩnh cha mẹ

mà đó là những trẻ em lên tiếng đòi quyền lợi cho mình. Cha mẹ đáp ứng những nhu cầu này một cách hợp lý đó thì sẽ mang lại sự phát triển toàn diện cho con mình. Hiện nay tại các đô thị lớn rất nhiều gia đình đã ý thức được nhu cầu vui chơi của trẻ, ngoài việc học hành của con cái thì vui chơi của con họ cũng rất quan tâm, cho các em tham gia học các môn nghệ thuật như đàn, hát, vẽ tranh, nhảy khiêu vũ..vv nhằm mục đích đầu tiên giúp con được thư giãn, tăng cường độ mạnh dạn và tự tin của trẻ khắc phục tính nhút nhát của con mình, việc cho con cái mình tham gia các môn nghệ thuật như vậy còn giúp chúng phát triển, rèn rũa tài năng của trẻ, phát huy khả năng sáng tạo của các em. Đó là trách nhiệm của gia đình để tạo cho trẻ một khởi đầu tương lai tốt đẹp hơn, góp phần cho sự phát triển của trẻ em Việt nam sánh ngang với các trẻ em trên thế giới.

Nhà nước và Xã hội cũng là một bộ phận quan trọng trong việc xây dựng một môi trường tốt đẹp cho trẻ. Thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các Chương trình hành động quốc gia Vì trẻ em, nhất là từ khi thực hiện Chỉ thị số 03/2000/CT-TTg ngày 24/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí cho trẻ em và việc triển khai thực hiện Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, chăm sóc đời sống văn hoá, vui chơi, giải trí cho trẻ em nói riêng đã có nhiều tiến bộ cả về nhận thức, tổ chức và kết quả hoạt động góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, nhằm tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, tri thức, sức khoẻ và thẩm mỹ, hình thành nhân cách và nâng cao phẩm chất tốt đẹp cho trẻ em Việt Nam.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo điều kiện về nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao, vui chơi, giải trí thiết thực góp phần vào việc chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL đã ban hành Chỉ thị số 129 /CT-BVHTTDL về **việc tăng cường tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí cho trẻ em tại các cơ sở văn hóa, thể thao và du lịch.**

Theo đó, Bộ trưởng yêu cầu Giám đốc các Sở VH,TT&DL chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ cho các Nhà Văn hóa, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm Thể dục thể thao, Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao, Thư viện, Bảo tàng, Phòng truyền thống, Rạp chiếu bóng, Nhà hát, Công viên, Đền

tham quan du lịch, vui chơi, giải trí, Câu lạc bộ văn hoá, thể dục, thể thao trên địa bàn dành thời gian thích hợp để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho thiếu niên, nhi đồng có nhu cầu đến sinh hoạt, tập luyện; phối hợp với Đoàn Thanh niên, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí cho trẻ em, chú trọng tới các đối tượng trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Bộ trưởng đã yêu cầu các đơn vị thực hiện những nhiệm vụ cụ thể: Thủ trưởng các cơ sở VH,TT&DL có kế hoạch chủ động tổ chức xây dựng chương trình hoạt động, mở các lớp đón thiếu niên, nhi đồng đến sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi, giải trí, luyện tập thể dục, thể thao. Còn các cơ sở VH,TT&DL ngoài công lập cần có kế hoạch chủ động đề xuất với UBND địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về các yêu cầu hỗ trợ thực hiện chính sách xã hội hóa về văn hóa, thể thao của Đảng và Nhà nước.

1.2.4 Hệ lụy của việc đáp ứng thiếu hụt các nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ.

Thứ nhất: Sự gia tăng các tai nạn thương tích xảy ra ở trẻ. Theo thống kê của bộ Lao Động – Thương Binh xã hội thì hằng năm, số tai nạn thương tích luôn tăng mạnh nhất là vào dịp hè mà đa phần xảy ra ở vùng nông thôn. Tại nhiều vùng nông thôn, trẻ thường tìm đến những trò chơi bạo lực, thiếu lành mạnh trên internet dẫn đến ảu đả, đánh lộn, gây thương tích, làm mất trật tự an toàn xã hội.

Thứ hai: Gia tăng tai nạn đuối nước ở trẻ, trẻ em thường rất thích bơi lội nhưng vẫn nạn chung không chỉ riêng ở nông thôn mà còn trên thành thị đó là thiếu hồ bơi an toàn. Trẻ em nông thôn thường hay tìm đến ao hồ nơi mà có thể đáp ứng nhu cầu bơi lội của trẻ. Đó là một mối nguy hiểm luôn rình đập trẻ. Theo thống kê từ Bộ Y tế và Quỹ nhi đồng Liên hợp Quốc (UNICEF) trung bình mỗi ngày có khoảng 10 trẻ em tử vong do đuối nước, đa số là vào mùa hè. Chỉ riêng trong thời gian vừa qua trên cả nước đã xảy ra hơn 20 vụ trẻ em tử nạn do đuối nước.

Trên địa bàn xã Yên Tân trung bình cứ khoảng 5/3 nhà có ao hồ, mật độ ao hồ dày đặc, tỉ lệ trẻ em tham gia bơi lội đông, thì nguy cơ đuối nước là rất cao. Tính từ đầu năm 2016 đến nay trong vòng 8 tháng xảy ra 5 vụ đuối nước trong đó số trẻ tử vong là 3 trẻ. Điều đó như một hồi chuông cảnh báo cho các bậc phụ huynh cũng như chính quyền địa phương có sự nhìn nhận đúng đắn về vấn đề này.

Thứ ba: Hạn chế sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của trẻ.

Vui chơi giải trí của trẻ em quan trọng đối với sự phát triển lành mạnh cũng như các yếu tố dinh dưỡng chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Vui chơi trẻ tự tạo ra hoặc được đặt vào những tình huống giống với đời thật giúp các em tích lũy kinh nghiệm sống cho bản thân, phản ứng linh hoạt với những tình huống đó, không chỉ là vui chơi thuần túy mà giúp các em thích ứng với môi trường phức tạp bên ngoài, rèn luyện cho mình những kỹ năng sống. Vui chơi tạo ra sự phấn kích, thoải mái vận động nên có lợi cho sức khỏe. Việc nghỉ ngơi và vui chơi chính là bảo vệ sức khỏe cho các em.

Sự tham gia văn hóa, văn nghệ, tham gia các phong trào đoàn thể xã hội là cơ hội cho các em thể hiện bản thân, giúp các em mạnh dạn trong cuộc sống, bồi dưỡng, hoàn thiện nhân cách và tâm hồn của trẻ. Phát triển đến đỉnh điểm về tâm hồn, nâng cao được kiến thức xã hội, tự nhiên và con người

1.2.5. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vui chơi giải trí.

Nhu cầu giải trí là một phạm trù rộng, bao hàm nhiều vấn đề thiết thực, ở đây chỉ đề cập đến 3 vấn đề mà chủ tịch Hồ chí Minh xây dựng đời sống cho nhân dân phải được tiến hành xây dựng nếp sống văn hóa. Ngay từ những năm 1946, trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, Người đã viết tác phẩm “ đời sống mới” rất sinh động, sâu sắc nhằm động viên, kêu gọi các tầng lớp nhân dân thực hành đời sống mới với tinh thần rất rõ là: “ làm thế nào cho đời sống của dân ta vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích đời sống mới” [19,35]

Đời sống mới không phải cao xa gì, cũng không khó khăn gì. Nó không bảo ai phải hi sinh chút ít. Nó chỉ sửa đổi những việc rất tầm thường, rất phổ thông trong đời sống của mọi người. tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc. sửa đổi được những điều đó thì mọi người được hạnh phúc.

Quan điểm của Hồ Chí Minh hết sức rõ ràng, cụ thể, thiết thực có kế thừa bảo tồn, phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp mang tính truyền thống, loại trừ những hủ tục lạc hậu, không phù hợp. Hướng đến một đời sống nhân dân thực sự lành mạnh, không lạc hậu cũng không xa xỉ, gấn bó mật thiết với nhu cầu từng người dân, nâng cao đời sống tinh thần cho bà con, thể hiện xã hội văn minh hiện đại đặc biệt cần chú trọng đến các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa.

Đó là quan điểm chung của chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nếp sống mới, văn hóa mới, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, bên cạnh đó Người cũng hết sức quan tâm đến nhu cầu vui chơi giải trí của các em thiếu nhi. Bác luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của các em, khuyến khích thể hệ các em tham gia các phong

trào tập thể, múa hát, văn nghệ cho đời sống thêm tươi vui. Bác luôn dành những tình cảm yêu mến nhất cho các em thiếu niên nhi đồng. Bằng những câu thơ giàu cảm xúc, chan chứa yêu thương.

Dẫu cuộc sống có lúc khó khăn nhưng một khi hoài niệm về những giá trị quý báu, người ta vẫn muốn duy trì nó như một nét đẹp truyền thống cần phải giữ gìn. Để cho các cháu có một tuổi thơ tuy thiếu thốn về vật chất nhưng lại đong đầy về mặt tinh thần. Ngay từ hồi sinh thời bác, bác rất coi trọng nhu cầu về tinh thần, đặc biệt là của các em thiếu nhi. Hướng về một xã hội giàu mạnh, đa dạng văn hóa, đời sống tinh thần của nhân dân được phong phú.

1.3 Luật pháp và chính sách quốc gia về bảo vệ và chăm sóc trẻ em

1.3.1 Chủ trương của Đảng về quyền vui chơi giải trí của trẻ em

Đảng và Nhà nước Việt Nam quan niệm “Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là vấn đề có tính chiến lược, lâu dài, góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai của đất nước. Làm tốt công tác này là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội”¹. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 đã ghi nhận sự bảo đảm quyền trẻ em, đó là: “Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng” (Điều 14). Quan điểm nhất quán về bảo vệ, chăm sóc trẻ em được thể hiện xuyên suốt trong các bản Hiến pháp 1959, 1980 và Hiến pháp sửa đổi 1992. Hiến pháp năm 2013, tại điều 37 quy định “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. Cương lĩnh phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (Đại hội Đảng khóa VII) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 2011 (Đại hội Đảng khóa XI) đều khẳng định: “con người là trung tâm của chiến lược phát triển; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi; thực hiện bình đẳng giới, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em

Những quan điểm được thể hiện trong các văn kiện của Đảng, trong Hiến pháp đã quyết định hiệu quả của công tác bảo vệ trẻ em trong suốt những năm qua. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, cũng như định hướng cho các cấp chính quyền trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

1.3.2 Quyền vui chơi giải trí của trẻ em trong công ước về quyền trẻ em (CRC) và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em- số 25/2004/QH 11

Theo công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em số 25/2004/QH 11 thì trẻ em có quyền vui chơi giải trí được thể hiện ở các điều luật như sau:

Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch được thể hiện ở (Điều 17). Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

Ngày nay Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện rất tốt quyền lợi được tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, tham gia văn hóa nghệ thuật, thể thao du lịch được thể hiện xuất hiện ngày càng nhiều các dịch vụ phục vụ vui chơi giải trí của trẻ, các chương trình truyền hình dành riêng cho các em thiếu nhi như: “ gương mặt thân quen nhí”, “giọng hát việt nhí”, “bố ơi mình đi đâu thế”, “Đồ ri mí”, “Vua đầu bếp nhí” ... thu hút đông đảo các em tham gia

Quyền được phát triển năng khiếu, quyền lợi này được thể hiện rõ trong điều 18. Trẻ em có quyền được phát triển năng khiếu. Mọi năng khiếu của trẻ em đều được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển. Cha mẹ có thể khuyến khích các em tham gia các cuộc thi năng khiếu do địa phương tổ chức, do nhà trường hoặc bất kỳ một cơ quan đoàn thể nào. Từ đó những tài năng thực sự của các em mới được bộc lộ. Tăng khả năng giao tiếp và tự tin cho các em. Các em sẽ có những trải nghiệm mới, là một trong những điều kiện rất tốt để các em thể hiện bản thân, thể hiện tất cả các tài năng của mình, từ sự thể hiện bản thân và chinh phục các thử thách do ban tổ chức đặt ra, trẻ sẽ có sự phát triển trong cấu trúc tâm lý của mình. Đó là sự phát triển tình cảm, về năng lực, về hành vi hay kỹ năng

Ngoài ra trẻ em còn có Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội. Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin phù hợp với sự phát triển của trẻ em, được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề mình quan tâm.

Trẻ có quyền được người khác lắng nghe ở mọi vấn đề tác động đến các em. Quyền được lắng nghe này liên quan đến tất cả các hành động và quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ trong gia đình, trong trường học, cấp địa phương cũng như quốc gia. Trẻ em cần môi trường an toàn, không có nguy cơ bị lợi dụng, bị xúc phạm, bị trừng phạt, bị xâm hại để các em có thể tự do trình bày ý kiến của mình. Vấn đề này liên quan chặt chẽ đến các quyền được bảo vệ của trẻ em để các em không bị bạo lực và xâm hại cả về thể chất và tinh thần khi thực hiện các quyền tham gia.

Khi thực hiện quyền tham gia của mình, trẻ em cũng cần có trách nhiệm như người lớn về tuân thủ luật pháp, tôn trọng quyền và thanh danh của người khác, không đe dọa đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, sức khỏe cộng đồng và đạo đức xã hội

- Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em cũng quy định rõ trách nhiệm của nhà nước bảo đảm quyền vui chơi giải trí cho trẻ em thể hiện ở các điều khoản như sau (Điều 29)

Trách nhiệm bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch

- Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quy hoạch, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho trẻ em thuộc phạm vi địa phương.

Phía xã hội: có vai trò rất to lớn là một môi trường vô cùng rộng lớn cho trẻ khám phá, trải nghiệm và thể hiện bản thân.

Các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động vì quyền và lợi ích của trẻ em đang phát triển đa dạng về lĩnh vực, rộng rãi về địa lý và cấp độ (địa phương, quốc gia, khu vực và toàn cầu). Bên cạnh các tổ chức xã hội của người lớn hoạt động vì trẻ em đã xuất hiện xu hướng mạnh mẽ các nhóm, câu lạc bộ của trẻ em được hình thành. Các nhóm, câu lạc bộ trẻ em này trực thuộc, được quản lý và hướng dẫn bởi một tổ chức xã hội hoặc một đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ công ích (trường học, nhà thiếu nhi, tòa soạn báo, đài phát thanh- truyền hình...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BL BLĐTB&XH- UNICEF (2008), Báo cáo nghèo đa chiều trẻ em

2. Bộ LĐTB&XH(2014), Báo cáo 10 năm thực hiện luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em
3. BL LĐTB&XH- UNICEF (2008),Báo cáo nghèo đa chiều trẻ em
4. Báo cáo tổng kết cuối năm chương trình xây dựng nông thôn mới xã Yên Tân (2015)
5. Báo cáo công tác trẻ em –xã phường phù hợp với trẻ em năm 2016 xã Yên Tân (2016)
6. Báo cáo công tác đoàn – Đoàn xã Yên Tân (2016)
7. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, năm 2004
8. Đinh Thị Vân chi (2003), “*nhu cầu giải trí của công nhân lao động hiện nay*”NXB Quốc Gia Hà Nội
9. Hà Thị Kim Linh(2008),“ Nghiên cứu thực trạng sử dụng trò chơi dân gian trong giáo dục học sinh các trường tiểu học khu vực miền núi”, Đề tài cấp bộ, Đại học Thái Nguyên
10. Hồng Phương (2015), “ các điểm vui chơi cho trẻ em ở nông thôn thiếu thôn và xuống cấp” Báo cáo công tác cuối năm công tác Đoàn huyện Ý Yên tỉnh Nam Định

11. Lê Thị Lan Hương (2006) “ Thực trạng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của công nhân các khu công nghiệp hiện nay”, Ban tuyên giáo tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam
12. Lê Anh Tuấn (2008), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em”, Cục văn hóa cơ sở
13. Nguyễn Bá Kha (2009) “ Tìm hiểu thực trạng nhu cầu giải trí của cư dân Thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh, Đại Học Hải Phòng
14. Phạm Duy Đức (2002), “ Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí khu vực đô thị hiện nay thực trạng và giải pháp, Học viện chính trị quốc gia Hà Nội.
15. Phạm Duy Đức (2003) “Nghiên cứu phát triển các hoạt động văn hóa vui chơi giải trí ở Hà Nội- Thực trạng và giải pháp”, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội
16. Phạm Đức Nguyên (2007) “ Khảo sát nhu cầu không gian vui chơi giải trí của nhân viên văn phòng”, Đại học Xây dựng
17. Hồng Phương (2015), “ các điểm vui chơi cho trẻ em ở nông thôn thiếu thôn và xuống cấp” Báo cáo công tác cuối năm công tác Đoàn huyện Ý Yên tỉnh Nam Định
18. Huyền Linh (2016) “Thiếu sân vui chơi cho trẻ em nông thôn” Cơ quan đảng bộ Báo tuyên quang
19. Lê Thị Kim Chi (2005), “*nhu cầu động lực và định hướng xã hội*” nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội
20. Nguyễn Dương (2010), “Tạo điều kiện vui chơi giải trí cho trẻ em nghèo”, cơ quan đảng bộ tỉnh Hưng Yên.

21. Nguyễn Quang Linh (2006), “*tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho công nhân lao động ở thành phố Hải Phòng hiện nay*” Luận văn khoa học viện nghiên cứu xã hội học.

22. Nguyễn Khánh Linh (2016), “ phải chú trọng đến xã hội hóa công tác trẻ em”, tạp chí Lao Động & xã Hội.

23. Nguyễn Văn Nhật (2008) “ xây dựng và phát triển văn hóa của giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế”, Viện sử học- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

24. NXB Từ điển Bách khoa (2010), Từ điển tiếng việt

25. NXB Đà Nẵng, (2003), Từ điển bách khoa

26. NXB giáo Dục (2005) Từ điển tiếng việt

27. NXB Đại học quốc gia (2010), Từ điển xã hội học Oxford

28. Phương mai (2014), “sân chơi dành cho trẻ em nông thôn thực tế và nhu cầu” Báo Ấp Bắc online [http:// www.apbac.vn](http://www.apbac.vn)

29. Thanh Hòa (2016) “Thiếu sân chơi cho trẻ em thực trạng cần được quan tâm”, Bao điện tử <https://www.krongbong.daklak.gov.vn>

30. Thảo Mộc (2016), “ để trẻ em được quyền vui chơi, giải trí đúng nghĩa”, Báo điện tử [http:// www.baocantho.com](http://www.baocantho.com)

31. GS. Trần Thị Minh Đức, Trần Thu Hương, (2007)“ Hiểu biết của cha mẹ về vui chơi giải trí của trẻ”, Khoa Tâm lý ĐHKHXH&NV- ĐHQGHN.

32. Trang web của quỹ nhi đồng liên hợp quốc UNICEF <http://www.unicef.org/vietnam>.

33. Ủy ban văn hóa Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của quốc hội (2008), Báo cáo kiểm tra giám sát của về bảo đảm quyền vui chơi giải trí của trẻ em.

34. Viện xã hội học (2009) “thực trạng nhu cầu giải trí của người dân xã Tam Dương huyện Thủy Nguyên Hải phòng” Luận văn khoa học

35. Văn kiện hội nghị BCHTW 5 khóa VIII, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội, 1998